CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 04/2026/BC-HĐQT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tình hình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong năm 2025 và định hướng và mục tiêu phát triển năm 2026 như sau:

I. BỐI CẢNH CHUNG

Về tình hình kinh tế vĩ mô

Năm 2025, dù chịu nhiều "gió ngược" từ môi trường kinh tế toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 vẫn có xu hướng tích cực. Kết quả đến cuối 2025 cho thấy, tăng trưởng GDP ước đạt trên 8%. Động lực tăng trưởng trước hết đến từ sự cải thiện rõ nét của môi trường vĩ mô, khi lạm phát được kiểm soát, tỷ giá và mặt bằng lãi suất dần ổn định, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và mở rộng đầu tư của khu vực doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, đầu tư công tiếp tục đóng vai trò đầu kéo quan trọng, với quy mô giải ngân lớn cho các dự án hạ tầng giao thông, năng lượng và đô thị, không chỉ thúc đẩy tăng trưởng ngắn hạn mà còn mở rộng không gian phát triển trong trung và dài hạn. Xuất khẩu tăng trưởng mạnh hơn nhờ nhu cầu tại các thị trường chủ lực như Mỹ, EU và khu vực châu Á cải thiện, cùng với việc Việt Nam ngày càng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Một động lực quan trọng khác là đầu tư tư nhân và dòng vốn FDI, tiếp tục được củng cố bởi niềm tin của nhà đầu tư vào triển vọng kinh tế, sự ổn định chính trị – xã hội và quá trình cải cách thể chế đang được đẩy mạnh. Song song với đó, tiêu dùng trong nước được dự báo duy trì đà tăng tích cực nhờ thu nhập người dân cải thiện, thị trường lao động ổn định hơn và các chính sách hỗ trợ kích cầu được triển khai hiệu quả.

Đáng chú ý, nhiều chuyên gia cho rằng động lực tăng trưởng năm 2025 không chỉ đến từ các yếu tố truyền thống, mà còn từ sự chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng dựa nhiều hơn vào khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số và kinh tế xanh.

Tăng trưởng GDP năm 2025 đạt mục tiêu 8% là nền tảng vững chắc để Việt Nam bước vào giai đoạn tăng tốc mới với chất lượng tăng trưởng cao và bền vững hơn.

Về thị trường chứng khoán

Khép lại năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi dấu một năm giao dịch đầy biến động nhưng bứt phá mạnh mẽ, khi VN-Index tăng hơn 500 điểm, tương đương gần 41%, cùng thanh khoản lập kỷ lục lịch sử, phản ánh sự trở lại rõ nét của dòng tiền và niềm tin nhà đầu tư.

Chốt phiên giao dịch cuối cùng của năm 2025, VN-Index tăng 17,59 điểm lên 1.784,49 điểm - mức đóng cửa cao nhất trong năm. Toàn sàn có 134 mã tăng và 185 mã giảm. Tổng khối lượng giao dịch đạt 704 triệu đơn vị, giá trị 22.349,8 tỷ đồng.

Xét cả năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua nhiều cung bậc cảm xúc. Có thời điểm VN-Index rơi sâu về vùng 1.094 điểm do cú sốc thuế quan, nhưng sau đó nhanh chóng hồi phục, liên tiếp chinh phục các đỉnh lịch sử mới và kết năm với mức tăng ấn tượng 517,71 điểm, tương đương tăng 40,87% so với cuối năm 2024 - Đây là mức tăng thuộc top cao nhất thế giới.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT

Với các điều kiện thuận lợi từ bối cảnh chung, năm 2025, Công ty đã tập trung vào việc tái cấu trúc Công ty từ cơ cấu cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc cho đến bộ máy tổ chức bên cạnh việc vẫn duy trì hoạt động kinh doanh để bảo đảm sự ổn định, tránh xáo trộn, biến động lớn. Doanh thu hoạt động năm 2025 của Công ty là 22,35 tỷ đồng đạt 28% kế hoạch doanh thu, lợi nhuận sau thuế của Công ty là 3,3 tỷ đồng. Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao tình hình thị trường, bám sát định hướng phát triển, đưa ra các quyết định kịp thời đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định, an toàn, tuân thủ đúng và đủ các quy định pháp luật hiện hành trong kinh doanh chứng khoán.

Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện được các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 thông qua cụ thể bao gồm:

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2025: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Thực hiện các quyết định đầu tư theo hạn mức mà ĐHĐCĐ thông qua chủ trương;
- Thực hiện việc bầu lại HĐQT, BKS;
- Thực hiện ban hành Điều lệ sửa đổi;
- Thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 339 tỷ đồng lên 2000 tỷ đồng;

Các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên HĐQT mới) đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Các thành viên Hội đồng quản trị có đóng góp tích cực trong việc tham mưu, góp ý cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 100% thành viên HĐQT không điều hành và 01 thành viên HĐQT độc lập, đảm bảo điều kiện về cơ cấu HĐQT theo quy định đối với công ty đại chúng.

Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị trong năm 2025 (trước ĐHĐCĐ bất thường lần 1 -2025):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
01	Ông Luyện Quang Thắng	Chủ tịch HĐQT	16/04/2024
02	Ông Nguyễn Quang Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	16/04/2024

03	Ông Phạm Hoàng Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	07/03/2022

Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị trong năm 2025 (sau ĐHĐCĐ bất thường lần 1 -2025):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
01	Hồ Lê Việt Hưng	Chủ tịch HĐQT	14/10/2025
02	Nguyễn Tiến Đức	Thành viên HĐQT	14/10/2025
03	Dương Văn Cường	Thành viên HĐQT	14/10/2025
04	Hoàng Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	14/10/2025
05	Lê Cẩm Thúy	Thành viên HĐQT độc lập	14/10/2025

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp đều có đầy đủ thành viên tham gia, đảm bảo tổ chức đúng thủ tục và quy định của Điều lệ và Quy chế hoạt động. Các quyết định của HĐQT trong năm bao gồm:

STT	Ngày ban hành	Số, Ký hiệu	Trích yếu nội dung
1	20/01/2025	01/2025/NQ-HĐQT	NQ của HĐQT về thông qua chính sách quản trị rủi ro năm 2025
2	20/01/2025	02/2025/NQ-HĐQT	NQ của HĐQT về triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
3	23/01/2025	03/2025/NQ-HĐQT	NQ của HĐQT V/v Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025
4	18/03/2025	04/2025/NQ-HĐQT	Vv phê duyệt tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
5	19/06/2025	05/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT v/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025
6	12/08/2025	06/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT v/v Bổ nhiệm Giám đốc tài chính
7	12/08/2025	07/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT v/v Xác nhận các Bảo Đảm & Cam kết về Công ty theo Phụ lục đính kèm Biên bản họp số 06/2025/BB-HĐQT Ngày 12/08/2025
8	12/08/2025	08/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT v/v tiếp nhận đơn từ nhiệm TVHĐQT, BKS và Triệu tập Đại Hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2025
9	18/09/2025	09/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT V/v Thông qua giao dịch chứng chỉ tiền gửi của Tổ chức tín dụng
10	29/09/2025	10/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT V/v Thông qua DS ứng cửa viên TV HĐQT và TV BKS
11	09/10/2025	11/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT V/v Phê duyệt bộ tài liệu trình ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2025

12	14/10/2025	01A/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT v/v Bầu CT HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029 (Hồ Lê Việt Hưng)
13	14/10/2025	01B/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT V/v: Thông qua Quy chế tổ chức bộ máy Công ty
14	14/10/2025	01C/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT V/v: Thông qua Quy chế quản lý nhân Sự Công ty
15	14/10/2025	02A/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT v/v Miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty (Lê Thị Giang)
16	14/10/2025	02B/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT v/v Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty (Lại Thanh Mai)
17	14/10/2025	02C/2025/NQ-HĐQT	Vv Tạm ứng và chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát
18	15/10/2025	12/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT V/v Thông qua đầu tư trái phiếu riêng lẻ của Công ty CP Đầu tư Rox Energy
19	26/10/2025	12a/2025/NQ-HĐQT	Vv thông qua quy chế đãi ngộ của công ty năm 2025
20	27/10/2025	13/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT V/v Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029
21	21/11/2025	14/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ
22	21/11/2025	15/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ
23	21/11/2025	16/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ
24	26/11/2025	17/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ
25	26/11/2025	18/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng vốn thu dược từ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ
26	26/11/2025	19/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ
27	15/12/2025	20/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua phương án chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ của CTCP đầu tư ROX ENREGY
28	15/12/2025	21/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua phương án đầu tư trái phiếu riêng lẻ của CTCP May-Diêm SG
29	16/12/2025	22/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua hạn mức tín dụng tại MSB
30	16/12/2025	23/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua đề xuất đầu tư và giao dịch TPCP
31	19/12/2025	24/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv bổ sung chức danh Thành viên Điều hành vào ban TGĐ SBSI
32	22/12/2025	25/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv sửa đổi, bổ sung thông tin liên quan phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ
33	22/12/2025	26/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ

34	22/12/2025	27/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv bổ nhiệm bà Hoàng Thanh Tâm giữ chức vụ Thành viên Điều hành, ban TGĐ
35	22/12/2025	28/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv thông qua phương án đầu tư trái phiếu riêng lẻ của CTCP May-Diêm SG
36	23/12/2025	29/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv Miễn nhiệm, bổ nhiệm TGĐ, PTGĐ công ty
37	31/12/2025	30/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv miễn nhiệm Người phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ đối với và Phạm Thùy Linh
38	31/12/2025	31/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv phê duyệt đầu tư mở rộng diện tích văn phòng SBSI
39	31/12/2025	32/2025/NQ-HĐQT	NQ HĐQT Vv phê duyệt đầu tư dự án cải tạo, sửa chữa văn phòng SBSI

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Trình tự, thủ tục phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan được thực hiện nghiêm túc theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
- Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: các giao dịch nêu trên đã được Công ty liệt kê và công bố đầy đủ tại các Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023; năm 2024; 2025. Quý cổ đông vui lòng xem Báo cáo tình hình quản trị Công ty tại website: www.sbsi.vn

4. Hoạt động của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT đã thành lập Ủy ban Công nghệ để thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn và hỗ trợ cho HĐQT trong lĩnh vực công nghệ, đặc biệt trong công tác xây dựng chiến lược chuyển đổi số.

5. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát đối với hoạt động điều hành của Tổng giám đốc thông qua các báo cáo định kỳ, các chủ trương, chính sách về công tác quản trị rủi ro, hoạt động đầu tư, công tác quản trị và các mảng nghiệp vụ quan trọng của công ty.

- Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp với Ban Giám đốc để nắm bắt tình hình và định hướng hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị, các thành viên HĐQT được Tổng Giám đốc báo cáo và cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh doanh của công ty, về tình hình cũng như kết quả triển khai thực hiện những nội dung đã được HĐQT thông qua

theo các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT. Ban Giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược dài hạn của SBSI, đồng thời nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro.

- Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn tham gia chỉ đạo, đôn đốc, triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT nhằm đảm bảo thực hiện đúng Điều lệ, Quy chế và quy định pháp luật có liên quan.
- Theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên Ban Giám đốc đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các quyết định của HĐQT.

6. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

- Mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả theo mức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua và đã được điều chỉnh trong kỳ để bảo đảm với phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT được bổ nhiệm mới . Chi tiết thù lao của Hội đồng quản trị được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2026.
- Các chi phí hành chính và chi phí liên quan đến hoạt động của HĐQT tuân thủ Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế tài chính và các định mức chi tiêu nội bộ của SBSI.

III. PHẦN ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

1. Vai trò và phạm vi hoạt động của TV HĐQT độc lập:

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đầy đủ vai trò theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty; tham gia các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến một cách độc lập, khách quan, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số.

2. Đánh giá về công tác quản trị công ty của TV HĐQT độc lập

HĐQT đã tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng; cơ cấu HĐQT, quy chế hoạt động và quy trình ra quyết định được duy trì phù hợp với quy định pháp luật. Các quyết định quan trọng được xem xét thận trọng, có căn cứ và được thông qua theo đúng thẩm quyền.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định. Các giao dịch với bên liên quan được xem xét, phê duyệt và giám sát theo đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo tính minh bạch và không gây xung đột lợi ích.

Ban điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh bám sát các nghị quyết của HĐQT; công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ từng bước được tăng cường, phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Kiến nghị: Đề nghị Công ty tiếp tục:

- Nâng cao chất lượng quản trị công ty theo quy tắc quản trị công ty đã được UBCKNN ban hành;
- Tăng cường vai trò của kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện hệ thống quy trình, chính sách nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và tuân thủ pháp luật.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

Trước những diễn biến phức tạp thế giới vừa qua đã tác động vô cùng bất lợi đến thị trường chứng khoán, Hội đồng quản trị nhận định rằng năm 2026 sẽ tiếp tục là một năm vô cùng thách thức, dẫn đến Công ty có nhiều thay đổi về chiến lược, kế hoạch kinh doanh để thích ứng và phát triển. Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2026 như sau:

- ***Về định hướng kinh doanh:*** Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ cho những nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty đang có lợi thế, tệp khách hàng đã có.
- ***Về hoạt động tổ chức – quản trị:***
  + Tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Tổng giám đốc;
  + Nâng cao công tác quản trị Công ty và kiểm soát rủi ro;
  + Tập trung rà soát, chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao tính hiệu quả, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;
  + Tiếp tục thu hút các nguồn nhân lực chất lượng cao, triển khai các hoạt động đào tạo nội bộ nâng cao năng lực chuyên môn cho CBCNV.

Căn cứ vào định hướng hoạt động, nguồn lực nội tại của Công ty và tình hình thị trường. Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành đã thống nhất đặt mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026: doanh thu hoạt động năm 2026 đạt 250 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

HỒ LÊ VIỆT HƯNG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02/2026/BC-BKS	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2025và kế hoạch năm 2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

1. Cơ cấu Ban kiểm soát trước ngày 14/10/2025 (là ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1-năm 2025) :

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Đỗ Đức Lộc	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023	Cử nhân chuyên ngành tài chính
2	Bà Lê Thị Giang	Thành viên ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 07/03/2022	Cử nhân Luật
3	Bà Đinh Thị Lan Anh	Thành viên ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023	Cử nhân chuyên ngành kế toán

2. Cơ cấu Ban kiểm soát sau ngày 14/10/2025 (là ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1-năm 2025)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Trần Quang Khánh	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 14/10/2025	Cử nhân chuyên ngành kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
2	Lại Thanh Mai	Thành viên ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 14/10/2025	Cử nhân Luật
3	Dương Thị Thanh	Thành viên ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 14/10/2025	Cử nhân chuyên ngành kế toán

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2025 như sau: 02 cuộc họp

4. Các hoạt động chính của Ban kiểm soát năm 2025

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Điều lệ Công ty, các hoạt động chính của Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 và các Nghị quyết của HĐQT;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính Công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty;
- Nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện chức năng giám sát đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- Tổ chức họp định kỳ, đột xuất để triển khai công việc theo nhiệm vụ, chức năng được giao, luôn giám sát việc thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát đã thực hiện đúng quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Thực hiện triệu tập và chủ trì các phiên họp ban kiểm soát; đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý cung cấp thông tin liên quan để báo cáo các thành viên Ban kiểm soát;
- Thường xuyên cập nhật các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đã bám sát nhiệm vụ được giao, chủ động trong công việc, phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên trong Ban kiểm soát.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT NĂM 2025

1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh và tài chính công ty

Ban kiểm soát đã giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty năm 2025. Các báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường giao dịch chứng khoán.

Ban kiểm soát đánh giá trong bối cảnh tình hình kinh còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các giải pháp kịp thời cùng toàn thể cán bộ nhân viên đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định, an toàn, tuân thủ đúng và đủ các quy định pháp luật hiện hành trong kinh doanh chứng khoán.

2. Đánh giá tình hình tài chính Công ty năm 2025:

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 và phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành, không có sai sót trọng yếu

xảy ra trong năm 2025 về công tác hạch toán kế toán.

a. Kết quả kinh doanh trong năm

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng giảm
Doanh thu hoạt động	22.348.076.332	20.197.063.207	11%
Kết quả hoạt động	1.554.001.923	-29.821.084.462	105%
Kết quả hoạt động khác	1.751.560.877	1.229.243.727	42%
Lợi nhuận trước thuế	3.305.562.800	-28.591.840.919	112%
Lợi nhuận sau thuế	3.305.562.800	-28.591.840.919	112%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025)

b. Về tài sản công ty

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	283.425.506.746	255.484.837.496	11%
Tài sản dài hạn	12.930.473.738	14.019.341.273	-8%
Tổng giá trị tài sản	296.355.980.484	269.504.178.769	10%

(Nguồn: BCTC sau kiểm toán Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Đại diện BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng tháng để nắm bắt tình hình hoạt động của công ty đồng thời thực hiện việc giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. BKS và các thành viên BKS được Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ các Biên bản, Nghị quyết/Quyết định và các văn bản khác trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Trong năm BKS không tiếp nhận thông tin, phản ánh nào của cổ đông.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông trong năm 2025

Trong năm 2025, việc phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban và cán bộ quản lý trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp tài liệu theo yêu cầu, tạo điều kiện cho BKS thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát đầy đủ, hợp lý và hợp pháp.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc và hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp HĐQT và thông qua các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty. Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và tình hình kinh doanh thông qua thực tế và các báo cáo.
- Sự phối hợp giữa BKS và Tổng giám đốc:

+ BKS chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch, hoạt động kinh doanh; kiểm tra, giám sát, phối hợp với Tổng giám đốc trong quá trình triển khai công tác giám sát, kiểm tra các hoạt động kinh doanh của Công ty.
+ HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS.
+ Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh.
+ HĐQT, BKS và Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý Công ty.
+ Các ý kiến, kiến nghị của BKS được HĐQT, Ban Giám đốc ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện kịp thời, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát

- Chi tiết thù lao của Ban kiểm soát được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2026.
- Các chi phí hành chính và chi phí liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế tài chính và các định mức chi tiêu nội bộ của SBSI.

6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ và bất thường, Ban kiểm soát đánh giá các giao dịch nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt theo đúng thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2026

Năm 2026, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện các công việc theo thẩm quyền, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty; giám sát, đánh giá Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông các nội dung:

- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Pháp luật.
- Tham gia ý kiến, góp ý tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, đặc biệt là những

vấn đề tiềm tàng có khả năng ảnh hưởng, rủi ro đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025, kế hoạch năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

TRẦN QUANG KHÁNH

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 03../2026/BC-TGĐ	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Ban Tổng Giám đốc (BTGĐ) báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% thay đổi so với 2024	% hoàn thành kế hoạch
Doanh thu	22.197.063.207	80.000.000.000	22.348.076.332	1%	28%
Lợi nhuận sau thuế	(28.591.804.919)	15.000.000.000	3.305.562.800	112%	22%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	%Thay đổi
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	0,95	0,96	0,67%
Tài sản dài hạn/tổng tài sản	0,05	0,04	(12,74%)
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/tổng tài sản	0,01	0,09	778,58%
Nguồn VCSH/tổng tài sản	0,99	0,91	(7,86%)
Tỷ suất sinh lời			
ROA	(10,60%)	1,12%	111%
ROE	(10,67%)	1,22%	111%
Thu nhập bình quân mỗi cổ phần (đồng)	(843)	98	112%

Tình hình hoạt động một số mảng kinh doanh chính của Công ty, cụ thể:

- ***Hoạt động kinh doanh môi giới***: Doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán năm 2025 đạt 2,15 tỷ đồng, giảm 29% so với cùng kỳ năm 2024. Doanh thu sụt giảm mạnh do tình hình thị trường ảnh hưởng đến tâm lý của Nhà đầu tư, khiến cho nhu cầu sử dụng dịch vụ tại Công ty giảm mạnh.

- ***Hoạt động Ngân hàng đầu tư***: Công ty thực hiện phát triển đa dạng dịch vụ tư vấn cho hệ thống khách hàng hiện tại, đồng thời hợp tác các khách hàng tiềm năng. Doanh thu từ các hoạt động Ngân hàng đầu tư (bao gồm: tư vấn tài chính, bảo lãnh và đại lý phát hành) trong năm 2025 đạt 0,064 tỷ đồng, giảm 82% so với cùng kỳ năm 2024.
- ***Hoạt động đầu tư (Tự doanh)*:** Doanh thu từ mảng tự doanh chứng khoán của Công ty đạt 16,71 tỷ, tăng 90% so với cùng kỳ năm 2024.

2. Về các hoạt động khác

- Công ty thực hiện các hoạt động chuyển đổi số, nâng cấp phần mềm phục vụ trái phiếu riêng lẻ và chuẩn bị cho việc thay đổi hệ thống core của Công ty.
- Hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ được đẩy mạnh và thắt chặt nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá và khắc phục các rủi ro nếu có phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Các hoạt động quản trị theo quy định đối với công ty đại chúng được Công ty thực hiện và chấp hành đầy đủ.
- Thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng thực hiện công việc cho cán bộ nhân viên.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Doanh thu	Đồng	22.348.076.332	250.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.305.562.800	70.000.000.000

Ban Tổng Giám thực hiện đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các chính sách ưu đãi, thu hút khách hàng; nâng cao chất lượng sản phẩm; xây dựng thêm các sản phẩm phù hợp với khách hàng mục tiêu; tìm kiếm và phát triển hệ thống mạng lưới khách hàng; tối ưu quy trình và ứng dụng công nghệ trong quản lý hỗ trợ khách hàng.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư an toàn, mở rộng quy mô đầu tư.
- Nâng cao năng lực quản trị, đảm bảo an toàn tuân thủ trong quá trình hoạt động. Thực hiện tốt các quy chế hoạt động quản trị Công ty theo quy định của pháp luật; minh bạch, công khai thông tin đến với cổ đông.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

NGUYỄN TIẾN DŨNG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12 /2026/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025,
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2025 kiểm toán, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2025 kiểm toán đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- *Như trên;*	**CHỦ TỊCH HĐQT**
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*	
- *Lưu Công ty.*	
	HỒ LÊ VIỆT HƯNG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 04/2026/TTr-HĐQT	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.*

Căn cứ tình hình thị trường chứng khoán, kế hoạch và định hướng hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	**Thực hiện năm 2025** *(đồng)*	**Kế hoạch năm 2026** *(đồng)*
Doanh thu hoạt động	22.348.076.332	250.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	3.305.562.800	70.000.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*
- *Lưu Công ty.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

HỒ LÊ VIỆT HƯNG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 05 /2026/TTr-BKS	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.*

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính soát xét định kỳ và năm 2026 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo quy định hiện hành của pháp luật;
- Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty, tập đoàn lớn trong lĩnh vực tài chính;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đáp ứng được yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán.

2. Đề xuất:

Trên cơ sở tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán là một trong các Công ty kiểm toán thuộc danh sách công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026. Giao cho Tổng Giám đốc đàm phán, quyết định mức phí kiểm toán và ký kết hợp đồng kiểm toán với đơn vị kiểm toán được lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*
- *Lưu Công ty.*

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban Kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

TRẦN QUANG KHÁNH

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 06 /2026/TTr-HĐQT	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền *(đồng)*
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	3.305.562.800
2	**Lợi nhuận sau thuế để phân phối**	3.305.562.800
3	Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-
4	Trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-
5	Trích lập quỹ khen thưởng	-
6	Trích lập quỹ phúc lợi	-
7	Trả cổ tức năm 2025: Không có.	-
8	**Lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối:** (8) = (2) – (3) – (4) – (5) – (6) – (7)	3.305.562.800

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*
- *Lưu Công ty.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

HỒ LÊ VIỆT HƯNG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 07/2026/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của người quản lý Công ty năm 2025 và phương án thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của người quản lý Công ty năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

1. Tiền thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2025:

Công ty đã chi trả tiền thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS theo mức thù lao đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua, cụ thể:

STT	Chức danh	Chi trả thù lao năm 2025 (đồng/tháng/người)
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	2.000.000
3	Trưởng BKS	2.000.000
4	Thành viên BKS	1.000.000

Và chi tạm ứng thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS theo Nghị quyết số 02C/2025/NQ-HĐQT ngày 14/10/2025, cụ thể:

Thù lao	Năm 2025			Năm 2026				Tổng cộng
	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	
HĐQT	44.000.000	84.700.000	83.587.000	85.813.000	84.700.000	84.700.000	84.700.000	552.200.000
Ban kiểm soát	8.100.000	28.700.000	28.658.000	28.742.000	28.700.000	28.700.000	28.700.000	180.300.000
Total	**52.100.000**	**113.400.000**	**112.245.000**	**114.555.000**	**113.400.000**	**113.400.000**	**113.400.000**	**732.500.000**

Tổng thu nhập (thù lao, phụ cấp, tiền lương) của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc được Công ty chi trả đã được trình bày cụ thể tại Báo cáo tài chính kiểm toán 2025 được công bố tại website của Công ty.

2. Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

STT	Chức danh	Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026 (đồng/tháng/người)
1	Chủ tịch HĐQT	50.000.000
2	Thành viên HĐQT	20.000.000
3	Trưởng BKS	15.000.000
4	Thành viên BKS	9.000.000

Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*
- *Lưu Công ty.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

HỒ LÊ VIỆT HƯNG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 08 /2026/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua hạn mức đầu tư và hạn mức giao dịch của Công ty năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.*

Nhằm tận dụng cơ hội đầu tư, phát triển kinh doanh, sử dụng vốn hiệu quả, và mang lại lợi ích tối đa cho Công ty và các cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án đầu tư và hạn mức giao dịch như sau:

1. **Hạn mức đầu tư (mua, bán theo hạn mức và điều kiện dưới đây):**

- Đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu, không đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp có xảy ra sự kiện vi phạm trái phiếu (theo đánh giá của SBSI không phụ thuộc vào việc sự kiện vi phạm đã được tuyên bố hay chưa).
- Đầu tư không quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết.
- Đầu tư không quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết.
- Đầu tư hoặc góp vốn không quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Đầu tư hoặc góp vốn không quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.
- Đầu tư không quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. **Hạn mức giao dịch, vay vốn ngân hàng:**

- Hợp đồng mua, bán, gửi tiết kiệm, và hợp đồng giao dịch khác: hạn mức bằng hoặc lớn hơn 80% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Hợp đồng giao dịch, vay vốn ngân hàng: tối đa 5 lần vốn chủ sở hữu được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty theo quy định tại Điều 26 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán.
- Quyết định đầu tư và bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 80% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

3. **Điều kiện đối với các giao dịch trên**

- Chứng khoán và các hạng mục đầu tư thuộc phạm vi hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật;
- Giao dịch được thực hiện theo giá thị trường và đảm bảo quyền lợi của các bên;
- Giá trị đầu tư bảm bảo tuân theo quy định tại Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Được công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật.

4. Thời gian dự kiến tiến hành:

Trong năm 2026 trên cơ sở Công ty đáp ứng theo quy định của pháp luật cho đến khi có quyết định khác thay thế.

5. Ủy quyền

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty quyết định, phê duyệt chi tiết từng Hợp đồng/ Giao dịch và/ hoặc phân quyền cho Tổng Giám đốc quyết định việc xử lý các giao dịch, ký kết, thực hiện, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các điều kiện, điều khoản và ký kết Hợp đồng/ Giao dịch danh mục đầu tư, các giao dịch phát sinh có liên quan đến hoạt động đầu tư nêu trên phù hợp với các quy định pháp luật.
- Ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện kí kết các văn bản, hồ sơ, giấy tờ để triển khai thực hiện các giao dịch nêu trên.
- Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo về tình hình vay vốn, sử dụng vốn và đầu tư trái phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*
- *Lưu Công ty.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

HỒ LÊ VIỆT HƯNG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 09 /2026/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
V/v: Thông qua giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Kính gửi: **Đại hội Cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua giao dịch giữa Công ty với người có liên quan như sau:

1. **Báo cáo kết quả thực hiện các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và người có liên quan năm 2025**

   Các giao dịch giữa Công ty và người có liên quan đã được Công ty liệt kê và công bố đầy đủ tại các Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

2. **Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan năm 2026:**

   Để tạo thuận lợi cho quá trình kinh doanh, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua việc ký, thực hiện hợp đồng, giao dịch với các doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan trong năm 2026 phát sinh liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, bao gồm cả việc tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ, đầu tư giấy tờ có giá, tư vấn phát hành trái phiếu/cổ phiếu...

   ĐHĐCĐ thường niên giao Hội đồng quản trị triển khai thực hiện, công bố thông tin và các công việc cần thiết khác có liên quan theo quy định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu trên tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*
- *Lưu Công ty.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

HỒ LÊ VIỆT HƯNG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10 /2026/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ yêu cầu hoạt động quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới đây:

1. Điều lệ Công ty.

   Lý do sửa đổi, bổ sung: tinh gọn lại nội dung và giảm bớt các nội dung bị trùng lắp của Điều lệ hiện hành mà vẫn bảo đảm tuân thủ quy định của Pháp luật.

2. Quy chế Quản trị Công ty;

   Lý do sửa đổi, bổ sung: điều chỉnh lại toàn bộ nội dung cho phù hợp với Điều lệ mới của Công ty, thay thế bản cũ ban hành từ năm 2022.

3. Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị

   Lý do sửa đổi, bổ sung: điều chỉnh lại toàn bộ nội dung cho phù hợp với Điều lệ mới của Công ty, thay thế bản cũ ban hành từ năm 2022.

Toàn văn các văn bản nêu trên đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận: - *Như trên;* - *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;* - *Lưu Công ty.*	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH HĐQT** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS **HỒ LÊ VIỆT HƯNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Hà Nội, ngày ..... tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU
CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 6
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động 7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật 8
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh và ngành, nghề kinh doanh 9
Điều 5. Mục tiêu hoạt động 10
Điều 6. Nguyên tắc quản trị và hoạt động 10
Điều 7. Quyền của Công ty 11
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty 12
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế 15
CHƯƠNG 2. VỐN ĐIỀU LỆ; CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG
Điều 10. Vốn điều lệ 16
Điều 11. Các loại cổ phần 17
Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu 18
Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần 18
Điều 15. Mua lại cổ phần 19
Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ 20
Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty 20
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông 22
CHƯƠNG 3. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT
Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 24
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông 24
Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 27
Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 28
Điều 24. Triệu tập họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 30
Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 32
Điều 26. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 32
Điều 27. Bầu dồn phiếu 35
Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 35
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 36
Điều 30. Hiệu lực Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 38
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 38
Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 38
Điều 33. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị 39
Điều 34. Số lượng, Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 44
Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 45
Điều 36. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành 46
Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị 47
Điều 38. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp 47
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 49
Điều 40. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị 50
Điều 41: Người phụ trách quản trị Công ty 52

Điều 42. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc 53
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc 55
Điều 43a. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc 56
Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc 56
Điều 45. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro thuộc Tổng Giám đốc 50
Điều 46. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát 58
Điều 47: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 58
Điều 47. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát 61
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát 62
Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát 62
CHƯƠNG 4. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 63
Điều 52. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan 65
CHƯƠNG 5. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VÀ QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH
Điều 53. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc 66
Điều 54. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 66
CHƯƠNG 6. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN
Điều 55. Người lao động và công đoàn 67
CHƯƠNG 7. NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN
Điều 56. Năm tài chính 67
Điều 57. Chế độ kế toán 67
Điều 58. Kiểm toán 68
Điều 59. Chế độ báo cáo và công bố thông tin 68
CHƯƠNG 8. CON DẤU
Điều 60. Con dấu 68
CHƯƠNG 9. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ
Điều 61. Phân phối lợi nhuận 69
Điều 62. Xử lý lỗ trong kinh doanh 69
Điều 63. Trích lập các Quỹ theo quy định 70
CHƯƠNG 10. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ
Điều 64. Tổ chức lại công ty 70
Điều 65. Chấm dứt hoạt động 70
Điều 66. Thanh lý 70
Điều 67. Phá sản 71
CHƯƠNG 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ
Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ 71
Điều 69. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông 72
CHƯƠNG 12. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC
Điều 70. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 72
Điều 71. Ngày hiệu lực 73

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Các Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan;
- Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers – được thành lập theo Giấy phép số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2008.

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) "Công ty" là Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers được thành lập theo Giấy phép số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2008;

b) "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán và được quy định tại Điều 10 của Điều lệ này;

c) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông

d) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ;

e) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

f) "Điều khoản" là một điều khoản của Điều lệ này;

g) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;

h) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

g) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Trưởng bộ phận Tài chính/Kế toán trưởng và các Thành viên điều hành điều hành khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;

i) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;

j) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;

k) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;

l) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

m) "UBCKNN" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

n) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

o) "Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp)" là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp[1].

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ, trừ trường hợp Điều lệ này có định nghĩa khác.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động

1. Tên Công ty:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

b) Tên Tiếng Anh: Stanley Brothers Securities Incorporation

c) Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

d) Tên viết tắt: SBSI

[1] Bổ sung theo Khoản 35 Điều 4 Luật DN

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở Công ty:

a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Rox Tower, số 54A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội.

b) Điện thoại: (84-24) 3377 6699 Fax: (84-24) 3373 6699

c) Email: info@sbsi.vn

d) Website: sbsi.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCK chấp thuận;

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

2. Công ty có tối đa 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm Tổng giám đốc[2] và (một) Phó Tổng Giám đốc[3] do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm để bổ sung trong trường hợp cần thiết. Quyền và nghĩa vụ cụ thể của mỗi người đại diện theo pháp luật giao cho Hội đồng Quản trị quy định cụ thể trên nguyên tắc phù hợp với quy định của pháp luật và theo đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty tại từng thời kỳ.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.[4]

4. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật:

---

[2] Bao gồm cả chức danh tương đương như Quyền Tổng Giám đốc, Người phụ trách điều hành v.v..

[3] Bao gồm cả chức danh tương đương như Quyền Phó Tổng Giám đốc v.v…

[4] Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 13 Luật DN

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định Pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

b) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại điểm a khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm người khác làm Người đại diện theo pháp luật;

c) Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh và ngành, nghề kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:

a) Môi giới chứng khoán;

b) Tư vấn đầu tư chứng khoán;

c) Tự doanh chứng khoán;

d) Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. Phạm vi hoạt động kinh doanh: Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh theo các nghiệp vụ kinh doanh quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

3. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp, tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp, tư vấn chào bán, tư vấn niêm yết chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp, tư vấn tài chính khác phù hợp với quy định Pháp luật; nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; kinh doanh chứng khoán phái sinh; dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Công ty phấn đấu để trở thành một trong số các công ty chứng khoán hàng đầu của thị trường tài chính Việt Nam.

2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.

Điều 6. Nguyên tắc quản trị và hoạt động

1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực. Công ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Công ty phải thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên.
4. Ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của Pháp luật.
6. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
7. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được làm việc tại một bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trong một thời điểm.
8. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.
9. Nguyên tắc khác phù hợp với Pháp luật:

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
- Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
- Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;

- Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
- Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng.

10. Các nguyên tắc hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Pháp luật.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi Pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Pháp luật.
4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của Pháp luật.
5. Các quyền khác phù hợp với Pháp luật hiện hành:

- Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;
- Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp hoặc từ các nguồn hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Pháp luật hiện hành;
- Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
- Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
- Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty và theo quy định của Pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật;

b) Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ; kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;

c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

e) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;

f) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Pháp luật;

g) Tuân thủ các quy định của Pháp luật về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

h) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật có liên quan;

i) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Pháp luật; Thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty khi được yêu cầu.[5]

j) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;

k) Nguyên tắc khác phù hợp với pháp luật hiện hành

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:

a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật;

b) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

c) Không được thực hiện các hành vi sau:

- Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định).
- Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
- Cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông cá nhân một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các Cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
- Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của Pháp luật;
- Xâm phạm trái Pháp luật đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp

[5] Khoản 5 Điều 8 Luật DN

pháp khác;

- Kê khai giả mạo, kê khai không trung thực, kê khai không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp[6].
- Kê khai khống vốn điều lệ thông qua hành vi không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký mà không thực hiện đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị[7].

d) Nghĩa vụ khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

a) Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;

b) Quản lý tách biệt tiền gửi giao dịch chứng khoán và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng để giao dịch chứng khoán phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng thương mại. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;

c) Ký hợp đồng theo hình thức phù hợp quy định Pháp luật với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà Công ty cung cấp;

d) Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng, các thông tin khác phù hợp với từng loại dịch vụ và cập nhật thông tin theo quy định của Pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;

e) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;

f) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

[6] Bổ sung theo Khoản 4 Điều 16 Luật DN

[7] Bổ sung theo Khoản 5 Điều 16 Luật DN

g) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

h) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;

i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

j) Bảo mật thông tin của khách hàng:

- Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng; trừ trường hợp hành động của Công ty là phù hợp với quy định của Pháp luật

- Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

+ Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

+ Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

k) Nghĩa vụ khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;

c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;

d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;

e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;

f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;

g) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;

j) Quy định cấm và hạn chế khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:

a) Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán khác, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán không thuộc Công ty và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán;

b) Không được đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;

c) Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại Công ty;

d) Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty;

e) Quy định cấm và hạn chế khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:

a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc của công ty chứng khoán khác;

b) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;

c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

d) Quy định cấm khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 2. VỐN ĐIỀU LỆ; CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG

I. Vốn điều lệ, cổ phần

Điều 10. Vốn điều lệ

Vốn Điều lệ của Công ty là 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng). Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 11. Các loại cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 200.000.000 cổ phần *(Hai trăm triệu cổ phần)*. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

   Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có Cổ phần phổ thông: 200.000.000 cổ phần *(Hai trăm triệu cổ phần);*

   Tùy theo tình hình thị trường tài chính, tùy theo nhu cầu tài trợ và sử dụng vốn của Công ty, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông để quyết định phát hành thêm một số cổ phần ưu đãi khác như: cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác cùng với các phương thức áp dụng. Quyền của các cổ phần ưu đãi này (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác.

3. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người

sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 13a. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần

a) Công ty được chào bán cổ phiếu khi được Đại hội cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật;

b) Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác.

c) Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán cổ phần đó cho các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của Công ty thì thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán;

d) Công ty phải đăng ký với UBCKNN khi thực hiện chào bán cổ phiếu;

e) Phương thức và thủ tục chào bán cổ phiếu được thực hiện theo quy định tại các văn bản về chào bán cổ phiếu.

2. Chuyển nhượng cổ phần:

a) Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền

mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của Pháp luật.
2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại và gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn nêu trên.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b) Mua lại theo quyết định của Công ty

Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:

- Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật; bao gồm cả hình thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa chủ nợ và công ty chứng khoán;
- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần;
- Phát hành cổ phiếu mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào công ty;
- Phát hành cổ phiếu mới để trả cổ tức; Phát hành cổ phiếu thưởng;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

II. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của Pháp luật;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
e) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

b) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

c) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

d) Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

e) Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty thì cổ đông đó và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu trên năm phần trăm (5%) vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác. Các cổ đông này không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác;

f) Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:

- Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;
- Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.

g) Các nghĩa vụ khác:

- Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành;
- Cổ đông lớn phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- Nghĩa vụ khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

2. Tổ chức là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Trường hợp còn lại chỉ được ủy quyền cho một (01) người đại diện.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền

a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;

b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;

c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

CHƯƠNG 3. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

I. Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

2.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

2.2. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

2.3. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;

2.4. Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

2.5. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;

2.6. Thông qua phát hành trái phiếu chuyển đổi;

2.7. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị[8] bằng hoặc lớn hơn 80%[9] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

2.8. Thông qua hợp đồng, giao dịch[10] hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên với Người có liên quan có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất[11]; hoặc Chấp thuận các giao dịch quy định tại Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung NĐ155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật (nếu có)[12];

2.9. Thông qua hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó[13];

2.10. Thông qua Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2.11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

2.12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2.13. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại

[8] Giá trị sẽ được xác định theo gía trị của từng khoản đầu tư, từng tài sản được bán, không tính gộp, tính lũy kế các khoản đầu tư, các tài sản

[9] Có thể tùy chỉnh con số này

[10] Giá trị sẽ được xác định theo gía trị của từng hợp đồng, từng giao dịch, không tính gộp , tính lũy kế

[11] Khoản 2 Điều 167 Luật DN 2025

[12] Bao gồm các quy định khác tại Nghị đinhh 155, Nghị đinh 245 và các quy định khác có liên quan

[13] Điểm b, Khoản 3 Điều 167 Luật DN 2025

cho Công ty và cổ đông của Công ty;

2.14. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

2.15. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2.16. Thông qua Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

2.17. Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

2.18. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

2.19. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

2.20. Thông qua việc thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

2.21. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

2.22. Thông qua Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

2.23. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

2.24. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định lựa chọn công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

2.25. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT *triển khai thực hiện* các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định của Pháp luật hiện hành. Các nội dung ủy quyền phải được ghi cụ thể trong nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

d) Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Thay đổi các quyền

a) Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu

cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

c) Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 23, 25 và 28 Điều lệ này.

d) Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp:

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài ra Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị lựa chọn địa điểm phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo UBCK bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của

Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp.

e) Các trường hợp khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

4. Thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

Điều 24. Triệu tập họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Cổ đông và nhóm cổ đông không nắm giữ đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại tiết Điều 17 Điều lệ này;

c) Vấn đề, nội dung đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các vấn đề liên quan đến nội dung bí mật kinh doanh, chiến lược kinh doanh của công ty;

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị đó bị từ chối theo quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội lần thứ hai, Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông dự họp và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

5. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức được quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 26. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự tại khoản 2 và 3 Điều này

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

   Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông đến sau khi cuộc họp khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

7. Chủ toạ của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền: yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Chủ tọa đại hội hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu xét thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Chủ tọa đại hội hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Bầu dồn phiếu

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dồn phiếu bầu cho người họ đề cử.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì số ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.
3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Công ty được quyền thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, kể cả các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 80%[14] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

[14] Con số này có thể tùy chỉnh

e) Tổ chức lại, giải thể công ty

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

6. Các nghị quyết, quyết định được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định.

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm cả các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Hiệu lực Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 28 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi hoặc lưu trữ dưới hình thức điện tử khác với đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

   Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

II. Hội đồng Quản trị

Điều 33. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định việc phát hành trái phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

e) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f) Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông và cổ phần loại khác, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp Pháp luật quy định khác;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty[15];

h) Quyết định các khoản đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị[16] dưới

[15] Cần quy định mức cụ thể lại cho ĐHĐCĐ và HĐQT do luật ko quy định ngưỡng tối đa

[16] Giá trị được xác định là giá trị mỗi khoản đầu tư, mỗi tài san được bán, không tính gộp hoặc tính lũy kế

80%[17] tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong phạm vi quyền hạn này, Hội đồng Quản trị được phân cấp cho Tổng Giám đốc hoặc các cấp thẩm quyền khác được thực hiện với mức nhỏ hơn theo quy định cụ thể bằng văn bản.

i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị[18] dưới 80% [19]tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;Trong phạm vi quyền hạn này, Hội đồng Quản trị được phân cấp cho Tổng Giám đốc hoặc các cấp thẩm quyền khác được thực hiện với mức nhỏ hơn theo quy định cụ thể bằng văn bản.

k) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, và các chức danh như sau: Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Kiểm toán nội bộ; quyết định mức lương và quyền lợi khác của chức danh nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;

l) Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;

m) Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế tài chính, quy chế lương và một số quy chế nội bộ quan trọng khác do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ này;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh *sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông*

[17] Con số này có thể tùy chỉnh

[18] Giá trị được xác định là giá trị mỗi hợp đồng, mỗi giao dịch, không tính gộp hoặc tính lũy kế

[19] Cần quy định mức cụ thể cho HĐQT do luật ko quy định ngưỡng tối đa

thường niên thông qua;

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

s) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

t) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;

u) Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

v) *Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;*

w) Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán cụ thể (trong danh sách công ty kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt) để phục vụ yêu cầu của công tác kiểm toán;

x) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các phương thức điện tử khác (họp trực tuyến, thư điện tử, ...) phù hợp với tình hình thực tế. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp nếu phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể.

5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên biểu quyết tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

6. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng vi phạm Pháp luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ này, các cổ đông hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức hủy bỏ nghị quyết và các quyết định có liên quan.

7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

8. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

10. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- Quyền được cung cấp thông tin:

  ✓ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

  ✓ Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:

  ✓ Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

  ✓ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội

đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

✓ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Quyền khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

b) Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệvà quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp.
- Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
- Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ;

Điều 34. Số lượng, Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 (năm) thành viên và không quá 11 thành viên[20]. Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong trường hợp công ty có số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
2. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 02 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
4. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định. Trường hợp các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 35 của Điều lệ này. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng quản trị mới, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
6. Hội đồng quản trị phải thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro theo quy định.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
3. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội

[20] Tăng từ 03 lên 05 thành viên

đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của trên năm (05) công ty khác.

4. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của Pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.
5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật
6. Thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác theo quy định tại Quy chế của công ty;

g) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

6.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6.3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 36. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị

trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT phù hợp với quy định của Pháp luật

3. Điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và

Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số..

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn.

Điều 38. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc trong các trường hợp sau đây:

a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị tại khoản 3 thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có

thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

11. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự

khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 40. Bộ phận Kiểm toán nội bộ

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:

a) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;

d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;

f) Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;

g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;

j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

k) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;

l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;

m) Chức năng khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:

a) Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;

b) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

c) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

d) Chức năng khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:

a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b) Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty ;

d) Có Chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

4. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Tính độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của công ty, kể cả ban điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của công ty; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;

b) Tính khách quan: bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình;

c) Nhân viên kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;

d) Tính trung thực: kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;

e) Bảo mật: nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty.

5. Hội đồng quản trị sẽ thành lập Tiểu ban quản trị rủi ro hoặc cử thành viên phụ trách triển khai hoạt động quản trị rủi ro hỗ trợ cho Hội đồng quản trị.

Điều 41. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 42. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc.

2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế..

3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.

4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;

b) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;

c) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty (bao gồm các quy chế, quy định, quy trình...) trừ những quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;

h) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

j) Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;

k) Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

6. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, các thành viên Ban Tổng Giám đốc có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:

a) Nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;
- Thù lao và tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng tối thiểu là hai (02) năm.

c) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

d) Không bị UBCKNN xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng sáu (06) tháng gần nhất.

e) Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành

viên cho công ty chứng khoán khác; Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.

f) Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định có liên quan.

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng tối thiểu là hai (02) năm.

c) Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách.

d) Không bị UBCKNN xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng sáu (06) tháng gần nhất.

e) Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.

f) Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Phó Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định có liên quan.

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này.
2. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Không hoàn thành các nhiệm vụ được phân công và các trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 45. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình

nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;

b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.

c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

e) Tách biệt tài sản của khách hàng;

f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

b) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Giám đốc chi nhánh trong công ty;

c) Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;

e) Yêu cầu khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

a) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;

b) Xác định rủi ro của Công ty;

c) Đo lường rủi ro;

d) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 46. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là không quá 05 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17 Điều lệ này có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

5. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.Trưởng Ban kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;

6. Ban kiểm soát phải xây dựng quy trình kiểm soát và phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên thông qua.

Điều 47: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17 của Điều lệ này;

e) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

f) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu kiểm tra và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu kiểm tra.

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban kiểm soát phải đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo;

i) Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm các quy định của pháp luật , Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên UBCKNN bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;

j) Trường hợp kiểm soát viên biết rằng các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;

k) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

l) Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quyền của Ban Kiểm soát:

a) Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

c) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty

d) Được cung cấp đầy đủ thông tin:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị
- Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình;
- Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

e) Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác:

- Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
- Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Ban Kiểm soát phải có nghĩa

vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Các nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.

5. Nếu phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 47. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát.

2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu 02 lần.

3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Các kiểm soát viên phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

e) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

f) Yêu cầu quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

g) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.
4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.
5. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty, không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác.
6. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

d) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

e) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đo không còn năng lực hành vi;

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên Ban kiểm soát không hoàn thành được công việc, nhiệm vụ được phân công;

b) Vi phạm nhiều lần và nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành:

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

CHƯƠNG 4. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được tiết lộ hoặc sử dụng các thông tin nội bộ, không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các Thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

4. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

8. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 52. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch với người có liên quan có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch

trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này và chấp thuận Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG 5. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VÀ QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH

Điều 53. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị xây dựng các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.
2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.
3. Các trường hợp Tổng giám đốc và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo của Ban giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc.

6. Các vấn đề Ban giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

Điều 54. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều 17 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ này được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG 6. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 55. Người lao động và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 7. NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 56a. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 58. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp

thuận xác nhận. Trong cùng năm tài chính, công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán

3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 59. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu báo cáo.
2. Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8. CON DẤU

Điều 60. Con dấu

Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật

CHƯƠNG 9. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 61. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với trường hợp cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 62. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 63. Trích lập các Quỹ theo quy định

1. Hàng năm, căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, thực tế hoạt động và quy định pháp luật, Công ty có thể xem xét trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% mức vốn Điều lệ;

b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;

c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

d) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 10. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 64. Tổ chức lại công ty

1. Công ty có quyền tổ chức lại công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu công ty sau khi được sự chấp thuận của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.
3. Trình tự và thủ tục thực hiện chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Điều 65. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Công ty bị cấp có thẩm quyền thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

e) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định giải thể này phải được sự chấp thuận của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.

Điều 66. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của công ty tại thời điểm giải thể. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.
2. Thành viên của Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công.
3. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có);

e) Các khoản nợ khác của Công ty;

f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 67. Phá sản

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng

CHƯƠNG 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với Công ty; hoặc

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần (hoặc thời gian khác do công ty quy định) từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 69. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

CHƯƠNG 12. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 70. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 71. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XII chương 71 điều, có hiệu lực kể ngày ...../...../2026.
2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và được lưu trữ tại Văn phòng Công ty theo quy định;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

QUY CHẾ
QUẢN TRỊ CÔNG TY

LẦN BAN HÀNH: 01 – HÀ NỘI 2026

Công ty CP Chứng khoán Stanley Brothers
Tầng 09, tòa Rox Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Tel: (84) 2433 77 66 99

THÔNG TIN VỀ VĂN BẢN

1	**Tên văn bản**	Quy chế Quản trị Công ty		Ghi chú	
2	**Mã số**				
3	**Cấp ban hành**	HĐQT			
4	**Cấp thông qua (nếu có)**	ĐHĐCĐ	Tại phiên họp ngày		
5	**Người ký ban hành**	Chủ tịch HĐQT			
6	**Lần ban hành**				
7	**Ngày ban hành**				
8	**Ngày hiệu lực**				
9	**Đơn vị soạn thảo – Người soạn thảo – Người kiểm tra**	Lại Thanh Mai	Giám đốc TVPL&TT	Chữ ký:	
				Chữ ký:	
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Vũ Hoàng Minh	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư	Chữ ký:	
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định			Chữ ký:	
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định			Chữ ký:	
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định			Chữ ký:	
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định			Chữ ký:	
11	**Thay thế văn bản**		Lần ban hành số:		

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

12	**Tóm tắt lý do ban hành**	Theo nội dung Tờ trình số: [1]			
13	**Các tài liệu kèm theo (nếu có)[2]**	1. 2. 3.			

[1] Ghi rõ số, ngày của Tờ trình
[2] Liệt kê các tài liệu kèm theo (bao gồm cả ý kiến bảo lưu của các đơn vị thẩm định)

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

MỤC LỤC

Chương I 4
QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1. Mục đích ban hành 4
Điều 2. Đối tượng áp dụng 4
Điều 3. Văn bản dẫn chiếu 4
Chương II 5
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 5
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 5
Điều 5. Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị 5
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 7
Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 9
Điều 8. Số lượng, Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 9
Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 10
Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành 11
Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị 12
Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp 13
Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 14. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan 15
Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 16
Điều 16. Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị 17
Chương III 18
CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 18
Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp 18
Chương IV 20
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 20
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm 20
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 20
Chương V 21
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 21
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 21
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán 22
Chương IV 22
TỔ CHỨC THỰC HIỆN 22
Điều 23. Trách nhiệm kiểm soát chất lượng văn bản 22
Điều 24. Điều khoản thi hành 22

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

Hà Nội, ngày…tháng…năm 202…

QUY CHẾ
QUẢN TRỊ CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers;*
- *Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số, thay đổi lần thứ ....., ngày ..... của SBSI;*
- *Căn cứ Nghị quyết số ngày của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026*

QUY ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành

Quy chế này được ban hành nhằm quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc quản trị, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc, với Ban kiểm soát nhằm tuân thủ và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Văn bản này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, bộ phận Thư ký HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị có liên quan.

Điều 3. Văn bản dẫn chiếu[1]

1. Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
2. Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

[1] Bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Chương II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định việc phát hành trái phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

e) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f) Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông và cổ phần loại khác, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp Pháp luật quy định khác;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

h) Quyết định các khoản đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị[1] dưới 80%[2] tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong phạm vi quyền hạn này, Hội đồng Quản trị được phân cấp cho Tổng Giám đốc hoặc các cấp thẩm quyền khác được thực hiện với mức nhỏ hơn theo quy định cụ thể bằng văn bản.

i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị[3] dưới 80% [4]tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Trong phạm vi quyền hạn này, Hội đồng Quản trị được phân cấp cho Tổng Giám đốc hoặc các cấp thẩm quyền khác được thực hiện với mức nhỏ hơn theo quy định cụ thể bằng văn bản.

k) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, và các chức danh như sau: Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Kiểm toán nội bộ; quyết định mức lương và quyền lợi khác của chức danh nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;

l) Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;

m) Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế tài chính, quy chế lương và một số quy chế nội bộ quan trọng khác do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản

---

[1] Giá trị được xác định là giá trị mỗi khoản đầu tư, mỗi tài sản được bán, không tính gộp hoặc tính lũy kế

[2] Con số này có thể tùy chỉnh

[3] Giá trị được xác định là giá trị mỗi hợp đồng, mỗi giao dịch, không tính gộp hoặc tính lũy kế

[4] Cần quy định mức cụ thể cho HĐQT do luật ko quy định ngưỡng tối đa

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

trị lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh *sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;*

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

s) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

t) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;

u) Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

v) *Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;*

w) Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán cụ thể (trong danh sách công ty kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt) để phục vụ yêu cầu của công tác kiểm toán;

x) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- Quyền được cung cấp thông tin:

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

- ✓ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
- ✓ Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:
  - ✓ Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
  - ✓ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
  - ✓ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.
- Quyền khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

b) Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp.
- Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
- Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ;

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Số lượng, Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 (năm) thành viên và không quá 11 thành viên. Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong trường hợp công ty có số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 02 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
4. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định. Trường hợp các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 35 của Điều lệ Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng quản trị mới, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
6. Hội đồng quản trị phải thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro theo quy định.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
3. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của trên năm (05) công ty khác.
4. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của Pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

chọn bổ sung, thay thế.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật

6. Thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác theo quy định tại Quy chế của công ty;

g) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

6.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6.3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT phù hợp với quy định của Pháp luật

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

3. Điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số..

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn.

Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc trong các trường hợp sau đây:

a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị tại khoản 3 thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quy định và

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

11. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Công ty;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 14. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch với người có liên quan có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này và chấp thuận Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp.

e) Các trường hợp khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

2. Thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

Điều 16. Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập ủy bản trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, công nghệ, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro v.v.... Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 01 thành

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

viên của Hội đồng quản trị tham gia và các thành viên bên ngoài. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương III

CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc trong các trường hợp sau đây:

a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị tại khoản 3 thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

11. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chương IV

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương V
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm kiểm soát chất lượng văn bản

1. Đơn vị soạn thảo/quản lý văn bản này có trách nhiệm đánh giá chất lượng văn bản theo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Công ty nhằm sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đối với các nội dung không còn phù hợp với pháp luật và/hoặc gây khó khăn, bất lợi cho hoạt động của MSB.
2. Khi có những nội dung nào trong văn bản này trái với quy định của Pháp luật, đơn vị soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Bộ phận Tư vấn pháp lý để đánh giá, phân tích tác động và trình cấp ban hành để chỉ đạo xử lý kịp thời.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty ngày 07-03-2023 của Hội đồng Quản trị.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy định này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của Công ty.
4. Lãnh đạo các đơn vị nêu tại Điều 2 và các đơn vị, cá nhân khác liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- TV HĐQT, BKS;
- TGĐ, các PTGĐ;
- Allcontacts;
- Lưu: VT.

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.



SBSI

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty CP Chứng khoán Stanley Brothers
Tầng 09, tòa Rox Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Tel: (84) 2433 77 66 99

LẦN BAN HÀNH: 01 – HÀ NỘI 2026

THÔNG TIN VỀ VĂN BẢN

1	**Tên văn bản**	chế Tổ chức & hoạt động của Hội đồng Quản trị (		Ghi chú
2	**Mã số**			
3	**Cấp ban hành**	HĐQT		
4	**Cấp thông qua (nếu có)**	ĐHĐCĐ	Tại phiên họp ngày	
5	**Người ký ban hành**	Chủ tịch HĐQT		
6	**Lần ban hành**			
7	**Ngày ban hành**			
8	**Ngày hiệu lực**			
9	**Đơn vị soạn thảo – Người soạn thảo – Người kiểm tra**	Lại Thanh Mai	Giám đốc TVPL&TT	Chữ ký:
				Chữ ký:
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Vũ Hoàng Minh	Giám đốc Ngân hang Đầu tư	Chữ ký:
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định			Chữ ký:
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định			Chữ ký:
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định			Chữ ký:
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định			Chữ ký:

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

11	**Thay thế văn bản**		Lần ban hành số:		
12	**Tóm tắt lý do ban hành**	Theo nội dung Tờ trình số: [1]			
13	**Các tài liệu kèm theo (nếu có)[2]**	1. 2. 3.			

[1] Ghi rõ số, ngày của Tờ trình
[2] Liệt kê các tài liệu kèm theo (bao gồm cả ý kiến bảo lưu của các đơn vị thẩm định)

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

MỤC LỤC

Chương I 4
QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1. Mục đích ban hành 4
Điều 2. Đối tượng áp dụng 4
Điều 3. Văn bản dẫn chiếu 4
Chương II 5
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 5
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 5
Điều 5. Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị 5
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 7
Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 9
Điều 8. Số lượng, Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 9
Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 10
Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành 11
Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị 12
Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp 13
Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 14. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan 16
Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 17
Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty 18
Điều 17. Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị 19
Chương III 19
CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 19
Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp 19
Chương IV 21
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 21
Điều 19. Trình báo cáo hằng năm 21
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan 22
Chương V 22
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 22
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành 23
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán 23
Chương IV 23
TỔ CHỨC THỰC HIỆN 23
Điều 24. Trách nhiệm kiểm soát chất lượng văn bản 23
Điều 25. Điều khoản thi hành 23

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

Hà Nội, ngày…tháng…năm 202…

QUY CHẾ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers;*
- *Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số, thay đổi lần thứ ....., ngày ..... của SBSI;*
- *Căn cứ Nghị quyết số ngày của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026*

QUY ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành

Quy chế này được ban hành nhằm quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Văn bản này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, bộ phận Thư ký HĐQT và các đơn vị có liên quan.

Điều 3. Văn bản dẫn chiếu[1]

1. Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
2. Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

[1] Bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Chương II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định việc phát hành trái phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

e) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f) Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông và cổ phần loại khác, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp Pháp luật quy định khác;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

h) Quyết định các khoản đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị[1] dưới 80%[2] tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong phạm vi quyền hạn này, Hội đồng Quản trị được phân cấp cho Tổng Giám đốc hoặc các cấp thẩm quyền khác được thực hiện với mức nhỏ hơn theo quy định cụ thể bằng văn bản.

i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị[3] dưới 80% [4]tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Trong phạm vi quyền hạn này, Hội đồng Quản trị được phân cấp cho Tổng Giám đốc hoặc các cấp thẩm quyền khác được thực hiện với mức nhỏ hơn theo quy định cụ thể bằng văn bản.

k) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, và các chức danh như sau: Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Kiểm toán nội bộ; quyết định mức lương và quyền lợi khác của chức danh nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;

l) Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;

m) Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế tài chính, quy chế lương và một số quy chế nội bộ quan trọng khác do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

---

[1] Giá trị được xác định là giá trị mỗi khoản đầu tư, mỗi tài sản được bán, không tính gộp hoặc tính lũy kế

[2] Con số này có thể tùy chỉnh

[3] Giá trị được xác định là giá trị mỗi hợp đồng, mỗi giao dịch, không tính gộp hoặc tính lũy kế

[4] Cần quy định mức cụ thể cho HĐQT do luật ko quy định ngưỡng tối đa

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh *sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;*

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

s) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

t) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;

u) Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

v) *Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;*

w) Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán cụ thể (trong danh sách công ty kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt) để phục vụ yêu cầu của công tác kiểm toán;

x) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

- Quyền được cung cấp thông tin:
  - ✓ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
  - ✓ Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:
  - ✓ Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
  - ✓ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
  - ✓ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.
- Quyền khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

b) Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết,

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp.
- Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
- Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ;

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Số lượng, Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 (năm) thành viên và không quá 11 thành viên. Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong trường hợp công ty có số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành trong trường hợp công

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

ty có số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 02 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
4. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định. Trường hợp các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 35 của Điều lệ Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng quản trị mới, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
6. Hội đồng quản trị phải thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro theo quy định.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
3. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của trên năm (05) công ty khác.
4. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của Pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật

6. Thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác theo quy định tại Quy chế của công ty;

g) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

6.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6.3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

nhiệm.

2. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT phù hợp với quy định của Pháp luật
3. Điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:
   a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
   b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
   c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
   d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
   e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
   f) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số..

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn.

Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc trong các trường hợp sau đây:

a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị tại khoản 3 thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
6. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

11. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Công ty;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

Điều 14. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
   a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
   b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
   c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch với người có liên quan có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này và chấp thuận Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp.

e) Các trường hợp khác phù hợp với Pháp luật hiện hành.

2. Thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập ủy bản trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, công nghệ, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro v.v.... Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 01 thành viên của Hội đồng quản trị tham gia và các thành viên bên ngoài. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương III

CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc trong các trường hợp sau đây:

a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị tại khoản 3 thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

11. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chương IV

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương V
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm kiểm soát chất lượng văn bản

1. Đơn vị soạn thảo/quản lý văn bản này có trách nhiệm đánh giá chất lượng văn bản theo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Công ty nhằm sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đối với các nội dung không còn phù hợp với pháp luật và/hoặc gây khó khăn, bất lợi cho hoạt động của MSB.
2. Khi có những nội dung nào trong văn bản này trái với quy định của Pháp luật, đơn vị soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Bộ phận Tư vấn pháp lý để đánh giá, phân tích tác động và trình cấp ban hành để chỉ đạo xử lý kịp thời.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế hoạt động của HĐQT ngày 07-03-2023 do Hội đồng Quản trị ban hành.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng Quản trị quyết định.

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

3. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy định này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của Công ty.
4. Lãnh đạo các đơn vị nêu tại Điều 2 và các đơn vị, cá nhân khác liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- TV HĐQT, BKS;
- TGĐ, các PTGĐ;
- Allcontacts;
- Lưu: VT.

Tài liệu này là tài sản của SBSI, chỉ được phép lưu hành nội bộ và cung cấp ra bên ngoài theo quy định của SBSI và Pháp luật.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11 /2026/TTr-BKS	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ yêu cầu hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.*

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Lý do sửa đổi, bổ sung: điều chỉnh lại toàn bộ nội dung cho phù hợp với Điều lệ mới của Công ty, thay thế bản cũ ban hành từ năm 2022.

Toàn văn các văn bản nêu trên đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:	**TM. BAN KIỂM SOÁT**
- *Như trên;*	**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*	
- *Lưu Công ty.*	
	TRẦN QUANG KHÁNH

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
STANLEY BROTHERS

Số: ...../2026/QC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (SBSI);
- Đáp ứng yêu cầu công việc, Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers bao gồm các nội dung sau:

QUY ĐỊNH

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội

đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"), trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên Ban Kiểm soát được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

Điều 4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.
4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.
5. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.Trưởng Ban kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;

5. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty, không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác.
6. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc

chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của Công ty chứng khoán khác.

3. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

   a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

   b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cửviên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 8. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát

e) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có bằng chứng chuyên môn chứng minh người đó không còn năng lực hành vi;

f) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tửcủa Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát dược công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát.

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17 của Điều lệ này;

e) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

f) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu kiểm tra và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu kiểm tra.

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban kiểm soát phải đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo;

i) Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm các quy định của pháp luật , Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên

UBCKNN bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;

j) Trường hợp kiểm soát viên biết rằng các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;

k) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

l) Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quyền của Ban Kiểm soát:

a) Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

c) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty

d) Được cung cấp đầy đủ thông tin:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị
- Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình;
- Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

e) Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác:

- Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
- Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt

quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Ban Kiểm soát phải có nghĩa vụ sau đây:
   a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
   b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
   c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
   d) Các nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.
4. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.
5. Nếu phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 11. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban Kiểm soát. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản họp.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
   a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
   b) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị;
   c) Trưởng Ban Kiểm soát;
   d) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát;
   e) Tổng Giám đốc;
4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất

thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, c, d, e Khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của SBSI.

6. Thông báo mời họp: Thông báo mời họp được gửi bằng hình thức giấy mời, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Ban Kiểm soát được đăng ký tại SBSI.

7. Biểu quyết: Nghị quyết, quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

Điều 12. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt chi tiết và rõ ràng, phải được người ghi biên bản và thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp ký tên, và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, địa chỉ Trụ sở chính;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các nghị quyết, quyết định đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

2. Biên bản họp Ban Kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này vẫn có hiệu lực.

4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trên biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường

hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

Điều 13. Các mối quan hệ công tác

1. Mối quan hệ công tác đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan khác: Thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ SBSI, các quy định khác của pháp luật và Quy chế này.
2. Mối quan hệ với các Cổ đông: thành viên Ban Kiểm soát phải luôn coi trọng lợi ích của Cổ đông, có trách nhiệm cung cấp kịp thời và đầy đủ cho Cổ đông những thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật và của SBSI.
3. Mối quan hệ với Hội đồng Quản trị: Ban Kiểm soát thường xuyên nắm tình hình và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị để đưa ra những kiến nghị mang tính độc lập, có trách nhiệm tham gia ý kiến với Hội đồng Quản trị tại các phiêm họp Hội đồng Quản trị cũng như phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị gửi cho thành viên Ban Kiểm soát; thông báo kịp thời cho Hội đồng Quản trị các vấn đề phát hiện thông qua hoạt động giám sát và kiểm toán nội bộ. Hội đồng Quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.
4. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và Bộ máy điều hành: Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát và kiểm tra công tác quản lý điều hành SBSI của Tổng Giám đốc và Bộ máy điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SBSI, thông báo kịp thời kết quả kiểm tra cho Tổng Giám đốc và các đơn vị được kiểm tra; tham gia các hội nghị tập huấn nghiệp vụ trong hệ thống SBSI; tư vấn những biện pháp khắc phục tồn tại và những vấn đề khác nhằm thúc đẩy hoạt động của SBSI an toàn và hiệu quả; tham gia các phiên họp sơ kết, tổng kết của các đơn vị và toàn hệ thống. Tổng Giám đốc gửi đầy đủ và kịp thời cho Ban Kiểm soát các văn bản quy định, hướng dẫn nghiệp vụ của SBSI, sao lục các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý Nhà nước, Kế hoạch kinh doanh của SBSI, báo cáo tình hình hoạt động tháng, quy, năm của SBSI. Tổng Giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Tổng Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Ban Kiểm soát quyết định trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và quy định khác của SBSI. Khi có những nội dung nào trong văn bản này trái với quy định của Pháp luật, điều lệ SBSI thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực và phải căn cứ vào pháp luật và Điều lệ để thực hiện, đồng thời đơn vị soạn thảo phải báo cáo ngay cho cấp ban hành văn bản để chỉ đạp xử lý kịp thời;
3. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers có hiệu lực thi hành kể từ ngày…..tháng…..năm 2026 và thay thế cho bản Quy chế tổ

chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế (nếu có) đã ban hành trước đây. Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Nơi nhận:
- *HĐQT;*
- *Ban Điều hành:*
- *Lưu: VT, BKS*

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT